



fàng pì

放屁

verb / interjection · fart; bullshit

Example Sentences

Tā zài chī fàn shí fàng pì dà jiā dōu hěn gān gà
他在吃饭时放屁，大家都很尴尬。

He farted while eating, and everyone was embarrassed.

Nǐ zhè huà wán quán shì fàng pì gēn běn bù kě xìn
你这话完全是放屁，根本不可信。

What you said is complete bullshit, totally untrustworthy.

Trace each character, then write the word on your own.

放	放	放	放	放	放	放	放	放	放	放
屁	屁	屁	屁	屁	屁	屁	屁	屁	屁	屁